

# THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN, TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

Luật sư Nguyễn Mạnh Dũng<sup>1</sup>

## I. Bối cảnh chung

Vấn đề hài hòa hóa luật pháp và các quy tắc tố tụng đang là đề tài được quan tâm tại các quốc gia ASEAN và đã được đưa ra thảo luận tại Hội thảo của Chánh án tòa án các nước ASEAN.<sup>2</sup> Một trong những biện pháp để hài hòa hóa pháp luật về nội dung cũng như tố tụng là tiến hành việc xem xét, công nhận và cho thi hành bản án của tòa án, phán quyết của trọng tài nước ngoài. Đây không chỉ là xu thế trong khu vực mà còn là xu thế trên thế giới khi rất nhiều quốc gia phát triển đã tham gia các điều ước quốc tế song phương và đa phương về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài cũng như bản án, quyết định của tòa án nước ngoài trên lãnh thổ của mình.<sup>3</sup> Việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài là một nhu cầu tất yếu khi càng ngày càng có nhiều giao dịch thương mại mang tầm quốc tế.<sup>4</sup> Nếu như trước đây, để bảo vệ chủ quyền của mỗi quốc gia, tòa án các nước sẽ ngay lập tức loại trừ khả năng công nhận và thi hành bản án của một tòa án nước khác thì hiện nay, với sự lưu chuyển xuyên quốc gia về truyền thông, vận tải, lao động, thương mại, các yếu tố quốc gia thuần túy bị suy yếu trước nhu cầu toàn cầu hóa.<sup>5</sup> Nếu phán quyết của trọng tài hay bản án của

---

<sup>1</sup> Tác giả: Nguyễn Mạnh Dũng là Thạc sỹ Luật chuyên ngành Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của Trường Trọng Tài quốc tế, Trường Luật Queen Mary thuộc Đại học Tổng hợp Luân đôn (Anh). Ông giữ vai trò là Chuyên gia địa phương của Ngân hàng thế giới, thành viên Viện Trọng tài Luân Đôn (CI Arb) và Ủy ban Trọng tài của Hiệp hội các đoàn luật sư quốc tế (IBA). Ở Việt nam ông có hơn 25 năm kinh nghiệm hành nghề luật sư và trọng tài, đồng thời trực tiếp tham gia là thành viên biên tập của Luật Trọng tài thương mại 2010 và Nghị định Hòa giải thương mại (đang soạn thảo). Bài viết được hoàn thành với sự hỗ trợ của các trợ lý: Nguyễn Lê Quỳnh Chi, Thạc sĩ Luật chuyên sâu về Tranh tụng quốc tế tại Đại học Leicester (Anh), Nguyễn Thị Thu Trang, Thạc sỹ Luật chuyên ngành Trọng tài quốc tế của Đại học Erasmus (Hà Lan) và Đặng Vũ Minh Hà, Thạc sỹ Luật chuyên sâu về ADR tại Đại học Leicester (Anh). Chi tiết xin liên hệ: [www.dzungsr.com](http://www.dzungsr.com)

<sup>2</sup> Tham khảo Đề cương tham chiếu- Nhóm công tác Hội nghị chánh án về Hội nhập ASEAN- Hội nghị lần thứ 3 tại Philippines.

<sup>3</sup> Quy tắc Brussels I (Brussels I Regulation) quy định về thẩm quyền và việc công nhận và thi hành bản án của các nước thành viên EU trừ Đan Mạch < <http://eur-lex.europa.eu/legalcontent/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32001R0044>>

Công ước Brussels (Brussels Convention) quy định về quan hệ giữa tòa án các nước EU và Đan Mạch < <http://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=URISERV%3A133054>>

Công ước Lugano (Lugano Convention) về việc công nhận và thi hành bản án của các nước thành viên Công ước Lugano với Vương quốc Anh < <http://curia.europa.eu/common/recdoc/convention/en/c-textes/lug-idx.htm>>.

<sup>4</sup> Jonathan Hill, *International Commercial Disputes in English Courts* (3<sup>rd</sup> ed, Hart Publishing, 2005) 369.

<sup>5</sup> Beligh Elbalti, 'Spontaneous Harmonization and the Liberalization of the Recognition and Enforcement of Foreign Judgments' Japanese Year Book of Private International Law Vol 16.

tòa án chỉ có giá trị thi hành ở nước nơi phán quyết, bản án được tuyên thì nền thương mại quốc tế sẽ phải chịu rất nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Trong vụ kiện giữa Adams và Cape Industries Plc,<sup>6</sup> tòa án đã nhận xét rằng lý do chính cho việc công nhận và thi hành bản án, phán quyết của nước ngoài là thực tế rằng về mặt vĩ mô, sẽ tốt hơn cho các quốc gia khi một bản án được tuyên tại nơi gắn liền với các hoạt động do các bên lựa chọn và sau đó được thi hành ở tòa án nơi bị đơn có tài sản.

Với việc bản án, phán quyết trọng tài nước ngoài được coi là một “*đơn vị tiền tệ quốc tế*”,<sup>7</sup> việc công nhận và thi hành bản án, phán quyết đó sẽ đem lại những lợi ích không nhỏ, đầu tiên là trong việc tiết kiệm chi phí cho các bên tham gia tố tụng và sau đó là phát triển kinh tế quốc tế nói chung.

Việc công nhận, thi hành phán quyết trọng tài, bản án tòa án nước ngoài còn được xem là thúc đẩy sự thống nhất, hài hòa pháp lý.<sup>8</sup> Điều này thể hiện qua việc tòa án một nước cho phép những trật tự pháp lý, luật, quyết định, phân xử của tòa án nước ngoài được thực thi trên đất nước mình, dựa trên nghĩa vụ quốc tế nói chung cũng như nghĩa vụ theo các hiệp định đã được ký kết, đặt trong tổng thể với quyền lợi hợp pháp của chính cá nhân hoặc thể nhân nước mình, khi các chủ thể này tham gia vào quan hệ pháp luật tố tụng ở một quốc gia khác.<sup>9</sup>

Việc công nhận, thi hành phán quyết trọng tài, bản án của các nước ASEAN tại Việt Nam và ngược lại việc công nhận và hiệu lực thi hành của bản án, phán quyết trọng tài của Việt Nam tại các quốc gia thành viên ASEAN càng có ý nghĩa hơn khi xét đến tổng số vốn đầu tư của các nước trong khu vực vào nước ta. Theo Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì tính đến tháng 09/2015, đã có 8 nước ASEAN đăng ký vốn FDI tại Việt Nam là Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei, Indonesia, Phillipines, Lào và Campuchia với 2.681 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 56,32 tỷ USD. Hiện nay, các nhà đầu tư ASEAN đã đầu tư vào 18/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó vốn đầu tư tập trung vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo với 1.058 dự án và tổng vốn đầu tư hơn 24 tỷ USD, chiếm 43% tổng vốn đầu tư của khối ASEAN tại Việt Nam.<sup>10</sup>

---

<sup>6</sup> [1990] Ch 433, 552.

<sup>7</sup> Jonathan Hill (n 4) 369.

<sup>8</sup> PM North, JJ Fawcett, *Cheshire and North's Private International Law* (13<sup>th</sup> ed, OUP, 2004) 406.

<sup>9</sup> *Hilton v Guyot* 159 US 113 (1895), 163-164.

<sup>10</sup> Ban Chỉ đạo thông tin tuyên truyền ASEAN, Cổng thông tin ASEAN, <<http://vietnamasean.vn/Default.aspx?Page=NewsDetail&NewsId=48890>>

Theo thống kê, hiện nay toàn bộ 10 nước thành viên ASEAN đều là thành viên của Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài (“Công ước New York”).<sup>11</sup> Việt Nam cũng đã trở thành thành viên của Công ước này vào ngày 20 tháng 09 năm 1995. Sau khi tham gia Công ước New York, các nước phải tuân thủ cam kết khi xem xét các đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, đồng thời tạo điều kiện để các phán quyết của trọng tài nước ngoài có thể thi hành tại quốc gia mình khi được yêu cầu.

Ngoài ra, hiện Công ước Hague năm 2005 về thỏa thuận lựa chọn tòa án (“Công ước Hague”) đã có hiệu lực với sự tham gia của 29 quốc gia phát triển trên thế giới.<sup>12</sup> Tại Đông Nam Á mới chỉ có Singapore là thành viên Công ước này. Tuy nhiên, đây được xem là Công ước New York trong lĩnh vực tổ tụng tòa án và được kì vọng sẽ mang lại những chuyển biến tích cực trong vấn đề công nhận thỏa thuận chọn tòa cũng như thi hành bản án của tòa án nước ngoài.<sup>13</sup> Trong thời gian tới, các quốc gia trong khu vực nên xem xét, nghiên cứu kỹ lưỡng Công ước này để bắt kịp với xu thế hội nhập của thế giới.

Bên cạnh đó, cùng với trọng tài, hòa giải đang ngày càng được chứng tỏ là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án (Alternative Dispute Resolution – ADR) vô cùng hiệu quả. Một yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải đó là khả năng thi hành của thỏa thuận hòa giải thành. Chính vì vậy, để tạo điều kiện cho sự phát triển của hòa giải, Nhóm công tác II của Ủy ban Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) đang triển khai việc soạn thảo *Công ước về Công nhận Thỏa thuận hòa giải thành*, tương tự như Công ước New York 1958 về Công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Đây là chủ đề đang được trao đổi rất sôi nổi trong hai kỳ họp gần đây của Nhóm công tác số II của UNCITRAL<sup>14</sup>. Đón đầu được xu thế này, Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015, vừa được thông qua tại kỳ họp Quốc hội tháng 11 vừa qua, đã dành hẳn một chương quy định về Thủ tục Công nhận kết quả hòa giải ngoài tòa án: Chương XXXIII (Điều 416 – Điều 419). Đây

---

<sup>11</sup> Danh sách các nước thành viên Công ước New York  
<<http://www.newyorkconvention.org/list-of-contracting-states>>

<sup>12</sup> Convention on Choice of Court Agreements 2005, tham khảo  
<<https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=98>>

<sup>13</sup> Lacey Young, ‘New York Convention for litigation comes into force’, Global Arbitration Review October 2015  
<<http://globalarbitrationreview.com/news/article/34198/new-york-convention-litigation-comes-force/>>

<sup>14</sup> Chương trình làm việc và báo cáo kết quả của các phiên họp của Nhóm công tác II của UNCITRAL có thể được truy cập tại trang web <[http://www.uncitral.org/uncitral/en/commission/working\\_groups/2Arbitration.html](http://www.uncitral.org/uncitral/en/commission/working_groups/2Arbitration.html)>

là một tín hiệu đáng mừng thể hiện sự quan tâm và tạo điều kiện của Chính phủ cũng như Tòa án đối với hòa giải nói riêng và các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án nói chung đồng thời cũng phản ánh sự phát triển của pháp luật Việt Nam phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Với sự tiến bộ như vậy trong pháp luật, Việt Nam, cùng với các nước ASEAN khác trong khu vực có nền hòa giải phát triển (chẳng hạn như Singapore) sẽ đóng góp tích cực cho việc xây dựng Công ước về Công nhận Thỏa thuận hòa giải thành.

Trên cơ sở phân tích bối cảnh như trên, bài viết này sẽ đưa ra khảo sát sơ bộ về tình hình thi hành bản án, quyết định của tòa án cũng như phán quyết của trọng tài nước ngoài tại một số nước trong khu vực ASEAN để cho thấy một bức tranh toàn cảnh về tình hình công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài, bản án nước ngoài ở khu vực nói chung. Bài viết cũng sẽ trình bày một số vấn đề cơ bản cũng như những đổi mới của luật pháp Việt Nam trong việc đẩy mạnh công nhận và thi hành bản án, phán quyết trọng tài nước ngoài.

## **II. Tình hình thi hành bản án, quyết định của tòa án và phán quyết của trọng tài nước ngoài tại một số nước trong khu vực ASEAN**

### **1. Singapore**

Singapore là quốc gia có sự phát triển vượt bậc trong khu vực về trọng tài. Quốc gia này đã tham gia Công ước New York từ 21/08/1986. Công ước có hiệu lực ở Singapore từ ngày 19/11/1986. Việc trọng tài quốc tế ở Singapore càng ngày càng có uy tín, không những được lựa chọn để giải quyết các tranh chấp trong nước mà còn các tranh chấp quốc tế trong khu vực là minh chứng sống động nhất cho định hướng ủng hộ sự phát triển trọng tài ở Singapore. Tòa án Singapore có danh tiếng rất tốt trong việc ủng hộ trọng tài, bao gồm cả trọng tài nước ngoài. Đây chính là lý do Singapore đã nhanh chóng phát triển thành một trung tâm về trọng tài trong khu vực.

Mặt khác, không chỉ được mệnh danh là quốc gia có nền trọng tài phát triển nhất trong khu vực ASEAN, việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải tại Singapore cũng có những dấu hiệu phát triển nổi trội, đặc biệt là mô hình trọng tài – hòa giải – trọng tài (Arb-Med-Arb). Nghị định thư Trọng tài – Hòa giải – Trọng tài giữa Trung tâm Hòa giải quốc tế Singapore (SIMC) và trung tâm Trọng tài quốc tế Singapore (SIAC) đã tạo ra cơ sở cho việc thi hành thỏa thuận hòa giải thành như một phán quyết trọng tài<sup>15</sup>. Theo Nghị định thư này, các bên sẽ bắt đầu thủ tục tố tụng

---

<sup>15</sup> <http://simc.com.sg/siac-simc-arb-med-arb-protocol/>

trọng tài tại SIAC. Sau đó, tranh chấp sẽ được tiến hành hòa giải tại SIMC trong một thời gian nhất định. Nếu như thỏa thuận hòa giải không đạt được, các bên sẽ tiếp tục tiến hành việc giải quyết tranh chấp theo thủ tục tố tụng trọng tài tại SIAC. Nếu như việc hòa giải thành công, các bên có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài tại SIAC ghi nhận thỏa thuận hòa giải thành như một phán quyết công nhận sự hòa giải của các bên. Phán quyết này mang tính chất như phán quyết trọng tài và do đó có thể được thi hành ở nước ngoài theo Công ước New York<sup>16</sup>. Đây là một mô hình mới được triển khai từ tháng 6 năm 2015 và hứa hẹn sẽ thúc đẩy sự phát triển của cả hòa giải và trọng tài tại Singapore.

Singapore cũng là nước đầu tiên trong khu vực tham gia Công ước Hague, trong đó đưa ra cơ chế để các nước thành viên công nhận bản án của tòa án nước ngoài được chọn. Ngoài cơ chế được quy định trong Công ước Hague, ở Singapore, một bản án của tòa án nước ngoài có thể được công nhận và cho thi hành theo luật pháp quốc gia hoặc theo án lệ.<sup>17</sup> Singapore có hai đạo luật về việc công nhận và thi hành bản án, đó là đạo luật áp dụng cho các nước của Khối thịnh vượng chung và đạo luật dành cho bản án của các quốc gia nước ngoài nói chung.<sup>18</sup> Theo luật của Singapore thì chỉ những quyết định hay bản án chung thẩm của tòa án nước ngoài có thẩm quyền đối với nội dung vụ tranh chấp mới được xem xét công nhận và cho thi hành ở Singapore.<sup>19</sup> Ngoài ra, bản án phải đưa ra một số tiền cụ thể để yêu cầu cho thi hành tại Singapore.<sup>20</sup>

Khi xem xét đơn yêu cầu, tòa án Singapore sẽ chỉ quan tâm đến vấn đề tố tụng mà không xét xử lại nội dung vụ án. Các lý do để từ chối công nhận và thi hành một bản án của tòa án nước ngoài có thể là trái công lý, trái với một bản án nội địa đã có trước đó về vụ việc này, vi phạm trật tự công của Singapore hoặc có gian dối trong quá trình tố tụng tại nước ngoài.<sup>21</sup>

## **2. Thái Lan**

---

<sup>16</sup> [http://simc.com.sg/arb-med-arb/#page\\_tab2](http://simc.com.sg/arb-med-arb/#page_tab2)

<sup>17</sup> Singapore Academy of Law, The Conflict of Laws <<http://www.singaporelaw.sg/sglaw/laws-of-singapore/overview/chapter-6>>

<sup>18</sup> Reciprocal Enforcement of Commonwealth Judgments Act (RECJA)  
<http://statutes.agc.gov.sg/aol/search/display/view.w3p?page=0;query=DocId%3A%2269922d70-0394-449a-ae9f9-89b3a1f29b27%22%20Status%3Ainforce%20Depth%3A0;rec=0>  
Reciprocal Enforcement of Foreign Judgments Act (REFJA)

<http://statutes.agc.gov.sg/aol/search/display/view.w3p?page=0;query=DocId%3A%2269922d70-0394-449a-ae9f9-89b3a1f29b27%22%20Status%3Ainforce%20Depth%3A0;rec=0>

<sup>19</sup> Singapore Academy of Law, (n 19).

<sup>20</sup> *Poh Soon Kiat v Desert Palace Inc* (trading as Caesars Palace)[2009] SGCA 60

<sup>21</sup> <http://uk.practicallaw.com/4-619-4293>

Tuy cũng là một thành viên của Công ước New York, Thái Lan lại không có cách tiếp cận ủng hộ trọng tài như Singapore. Mặc dù Công ước New York và luật pháp Thái Lan đều có các quy định về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, trên thực tế tòa án Thái Lan có thể dựa vào các căn cứ như khả năng một tranh chấp có thể được giải quyết bằng trọng tài hoặc trật tự công của Thái Lan để từ chối cho công nhận và thi hành.<sup>22</sup> Trong nhiều thập kỉ qua, tòa án Thái Lan đã bị chỉ trích về việc không hỗ trợ trọng tài, gồm trọng tài trong nước và trọng tài nước ngoài khi được yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết, nhất là trong những vụ việc liên quan đến cơ quan nhà nước.<sup>23</sup>

Gần đây, vấn đề công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài ở Thái Lan đã có những chuyển biến tích cực. Tháng 8 năm 2013, Tòa án về sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế của Thái Lan đã ra quyết định công nhận và cho thi hành một phán quyết trọng tài của Hiệp hội công quốc tế (ICA) tại Liverpool, Anh chống lại bị đơn Thái Lan và bác bỏ tất cả các cơ sở để từ chối thi hành mà phía bị đơn đưa ra.<sup>24</sup> Giá trị của phán quyết lên đến hơn một triệu Đô la Mỹ. Tòa án đã lập luận rằng bị đơn đã được thông báo hợp lệ theo quy tắc trọng tài được lựa chọn. Bị đơn quốc tịch Thái Lan, nguyên đơn Singapore và địa điểm giải quyết tranh chấp trọng tài ở Anh, là ba nước thành viên Công ước New York. Theo luật pháp Thái Lan thì việc một tổ chức như Hiệp hội công quốc tế cung cấp dịch vụ trọng tài là hoàn toàn phù hợp. Hơn nữa, các bên hoàn toàn tự nguyện giao kết hợp đồng và lựa chọn trọng tài cũng như quy tắc trọng tài của Hiệp hội để giải quyết tranh chấp. Trong quá trình xét đơn, tòa án đã thể hiện rõ ràng xu hướng ủng hộ trọng tài và sự kiên định trong việc không để những vấn đề thủ tục tố tụng làm cản trở hoặc trì hoãn quá trình xét đơn yêu cầu. Đây là một dấu hiệu rất hứa hẹn đối với việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài ở Thái Lan.

Khả năng công nhận và thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài, trái lại, hầu như không khả quan. Thông thường, bản án, quyết định của tòa án nước ngoài sẽ không được công nhận ở Thái Lan và do đó, không có hiệu lực thi hành.<sup>25</sup> Lý do là vì Thái Lan không tham gia bất

---

<sup>22</sup>Helbert Smith Freehills LLP, 'Thailand, towards an Arbitration- friendlier Jurisdiction?' <<http://www.lexology.com/library/detail.aspx?g=162fab61-b01a-4428-9ddf-c13a35c235cb>>

<sup>23</sup> Helbert Smith Freehills LLP, 'Thai Administrative Court Overturns an Arbitration Award against the Government', Kluwer Arbitration Blog 2014 <<http://kluwerarbitrationblog.com/2014/10/09/thai-administrative-court-overturns-an-arbitration-award-against-the-government/>>

<sup>24</sup> Helbert Smith Freehills LLP (n 24)

<sup>25</sup> Thailand Law, Enforcement of Foreign Judgments <<http://www.thailandlaw.org/enforcement-of-foreign-judgments.html>>

kì điều ước quốc tế song phương hay đa phương nào làm cơ sở cho việc công nhận thi hành bản án của tòa án nước ngoài mặc dù có hiệp định tương trợ tư pháp với Úc, Trung quốc, Indonesia và Tây ban nha.

Tuy nhiên, một bản án của tòa án nước ngoài có thể được xem là bằng chứng tại tòa án Thái Lan.<sup>26</sup> Nếu bản án, quyết định của tòa án nước ngoài đáp ứng được những tiêu chí như không có gian dối trong quá trình tố tụng, bản án là chung thẩm và có hiệu lực thi hành ở nước ngoài, không trái với trật tự công của Thái Lan... thì bản án quyết định đó có thể ảnh hưởng lớn đến quyết định của tòa án Thái Lan khi xét xử vụ việc. Như vậy, thông thường nếu muốn một bản án của tòa án nước ngoài có giá trị tại Thái Lan, đương sự buộc phải khởi kiện một vụ án mới tại tòa án Thái Lan.<sup>27</sup> Điều này là hết sức phức tạp và gây tốn kém.

### **3. Malaysia**

Mặc dù Malaysia đã là thành viên Công ước New York nhưng trên thực tế, đương sự vẫn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Malaysia. Lý do là vì luật pháp Malaysia yêu cầu quốc vương Malaysia (The Yang Di Pertuan Agong) phải ra thông báo trong công báo hoặc trong các lệnh của mình danh sách các nước thành viên của Công ước New York.<sup>28</sup> Thế nhưng trên thực tế danh sách này chưa bao giờ được quốc vương ban hành trong một văn bản chính thức nào.<sup>29</sup>

Trong vụ việc giữa Sri Lanka Cricket với World Sport Nimbus Pte Ltd,<sup>30</sup> Tòa phúc thẩm Malaysia đã quyết định rằng phán quyết trọng tài Singapore không thể được công nhận ở Malaysia do không có một công báo nêu rõ rằng Singapore là một nước thành viên Công ước New York.<sup>31</sup> Tòa án đề xuất việc công nhận có thể được thực hiện theo Luật Thi hành bản án nước ngoài năm 1958 hoặc tiến hành khởi kiện một vụ án mới tại tòa án Malaysia. Tuy nhiên, cả hai cách trên đều rất mất thời gian và tốn kém.

---

<sup>26</sup> Ibid.

<sup>27</sup> Vichai Ariyanuntaka, 'Jurisdiction and Recognition and Enforcement of Foreign Judgments and Arbitral Awards: a Thai Perspective' <<http://www.coj.go.th/en/pdf/AlternativeDisputeResolution04.pdf>>

<sup>28</sup> Điều 2(2) Luật về Công ước Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài năm 1985 ( the Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards Act 1985)

<sup>29</sup> <<https://simplymalaysia.wordpress.com/articles/arbitration/enforcement-of-foreign-arbitral-awards/>>

<sup>30</sup> <<https://simplymalaysia.wordpress.com/case-law/member-registration/sri-lanka-cricket-v-world-sport-nimbus-pte-ltd-2clj316-2006/>>

<sup>31</sup> Mohamed Fahmi Ghazwi, 'Recognition and Enforcement of International Arbitration Awards: A Case Study of Malaysia and Saudi Arabia', International Journal of Accounting and Financial Reporting 2014 Vol. 4 No. 2.

Trong một vụ việc khác giữa Alami Vegetable Oil Products Sdn Bhd và Lombard Commodities Limited,<sup>32</sup> một phán quyết trọng tài Anh cũng bị từ chối công nhận ở Malaysia vì lý do Anh chưa được ghi nhận trong công báo là một thành viên của Công ước New York. Đáng chú ý là tòa án cấp sơ thẩm đã đồng ý cho công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, nhưng sau đó tòa án cấp phúc thẩm đã đồng ý với kháng cáo quyết định sơ thẩm và từ chối việc công nhận thi hành.

Pháp luật Malaysia cho phép việc công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài theo luật hoặc theo án lệ.<sup>33</sup> Bản án của tòa án thuộc các thẩm quyền tài phán bao gồm Vương quốc Anh, Singapore, Hongkong, New Zealand, Brunei và Ấn Độ sẽ được xem xét công nhận và cho thi hành theo Luật Thi hành bản án nước ngoài năm 1958.<sup>34</sup> Bản án của các nước khác nếu đáp ứng được các yêu cầu theo án lệ có thể được xem xét công nhận và cho thi hành.

#### **4. Philippines**

Tại Philippines, phán quyết của trọng tài nước ngoài có thể được công nhận và cho thi hành theo cơ chế của Công ước New York hoặc trên cơ sở của sự thống nhất và có đi có lại.<sup>35</sup> Thời gian từ lúc nộp đơn đến lúc có quyết định của tòa án Philippines là từ 06 tháng cho đến 01 năm. Mặc dù không có thời hiệu cho yêu cầu công nhận và thi hành, việc nộp đơn được yêu cầu phải thực hiện trong thời gian hợp lý.

Nhìn chung, Tòa án tối cao Philippines đã đưa ra những cách tiếp cận khá thân thiện với việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.<sup>36</sup> Ví dụ, trong vụ Tuna Processing Inc v Philippine Kingford Inc,<sup>37</sup> Tòa án tối cao đã cho phép một công ty nước ngoài không có giấy phép hoạt động ở Philippines được nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài ở Philippines, mặc dù thông thường công ty này sẽ không được khởi kiện ở nước này. Tòa án cho rằng khi một bên kí kết hợp đồng có thỏa thuận trọng tài thì họ phải tuân thủ hợp đồng cũng như thỏa thuận trọng tài và hệ quả của thỏa thuận trọng tài đó, bất kể phía đối tác có năng lực kí kết thỏa thuận trọng tài và hợp đồng hay không.

---

<sup>32</sup> <[http://www.kehakiman.gov.my/directory/judgment/file/W%2002%20449%202005%20-%20%20ALAMI%20VEGATABLE%20OIL%20\[LOMBARD%20COMMODITIES\].pdf](http://www.kehakiman.gov.my/directory/judgment/file/W%2002%20449%202005%20-%20%20ALAMI%20VEGATABLE%20OIL%20[LOMBARD%20COMMODITIES].pdf)>

<sup>33</sup> <<http://uk.practicallaw.com/9-518-8785>>

<sup>34</sup> Reciprocal Enforcement of Judgments Act 1958  
<[http://www.commonlii.org/my/legis/consol\\_act/reoja19581972416/](http://www.commonlii.org/my/legis/consol_act/reoja19581972416/)>

<sup>35</sup> <<http://www.nortonrosefulbright.com/files/philippines-26272.pdf>>

<sup>36</sup> <<http://www.chambersandpartners.com/guide/practice-guides/location/265/7990/2142-200>>

<sup>37</sup> <<http://sc.judiciary.gov.ph/jurisprudence/2012/february2012/185582.htm>>



Đối với việc công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài, tòa án Philippines áp dụng cơ chế đảm bảo rằng một bản án của tòa án nước ngoài phải được tuyên trên cơ sở các bên đã có cơ hội đầy đủ và công bằng để tham gia tranh tụng.<sup>38</sup> Ngoài ra, bản án đó phải không trái với trật tự công hoặc tập quán tốt đẹp của nước bản địa. Một số tòa án ở Philippines cho rằng sự trung thực cũng là một yếu tố cần xem xét trong quá trình xét đơn.<sup>39</sup> Tuy nhiên, yếu tố này khá mơ hồ và hiện nay không rõ đây có phải là yếu tố bắt buộc khi xét đơn yêu cầu ở tòa án Philippines hay không.

## **5. Nhận xét**

Nhìn chung, vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài của các nước trong khu vực phần nào đã đạt được sự thống nhất nhất định do tất cả các nước đều đã là thành viên của Công ước New York. Công ước New York đã đưa ra hành lang pháp lý, tạo cơ chế để tòa án các nước giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, từ quy định của pháp luật các nước đến thực tiễn công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài vẫn còn những khoảng cách nhất định. Ngoài Singapore và Philippines là các nước có xu hướng ủng hộ trọng tài rõ rệt, những nước có nền tư pháp khá phát triển khác như Malaysia và Thái Lan vẫn có cách tiếp cận khá bảo thủ. Mặc dù hiện nay ở các nước đang có những xu hướng chuyển biến tích cực, song theo ghi nhận, quá trình yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài ở các nước này vẫn còn nhiều khó khăn. Thậm chí, các đương sự buộc phải khởi kiện lại vụ án mới tại tòa án nước sở tại vì không thể yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Điều này sẽ ảnh hưởng hết sức tiêu cực đến lựa chọn của các bên khi cân nhắc đến việc sử dụng trọng tài nước ngoài, nhất là ở những nơi có luật trọng tài phát triển như Singapore hay Hongkong làm phương thức giải quyết tranh chấp.

Đối với vấn đề công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài, luật pháp và thực tiễn tại tòa án của các nước trong khu vực có những cách biệt đáng kể. Hiện nay, do chưa có một hiệp định chung nào giữa các nước ASEAN về lĩnh vực này, việc các nước áp dụng nguyên tắc nào, cơ chế nào để xem xét cho công nhận bản án của tòa án nước ngoài vẫn hoàn toàn phụ

---

<sup>38</sup> Dispute resolution around the world  
<[http://www.bakermckenzie.com/files/Uploads/Documents/Global%20Dispute%20Resolution/Dispute%20Resolution%20Around%20the%20World/dratw\\_philippines\\_2011.pdf](http://www.bakermckenzie.com/files/Uploads/Documents/Global%20Dispute%20Resolution/Dispute%20Resolution%20Around%20the%20World/dratw_philippines_2011.pdf)>

<sup>39</sup>Ibid -

thuộc vào luật pháp quốc gia. Đa phần luật pháp các nước đã đề cập trên đây đều có áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Song, nguyên tắc này khá mơ hồ và không thống nhất khi áp dụng. Hiện nay Công ước Hague về thỏa thuận chọn tòa án đang là một điều ước quốc tế thu hút được nhiều sự chú ý và được đánh giá cao trong việc hài hòa hóa pháp luật, xây dựng trên cơ sở tôn trọng lựa chọn của các bên trong tranh chấp về thẩm quyền của tòa án quốc gia, đồng thời đặt ra được cơ chế đối với việc công nhận và cho thi hành bản án của tòa án nước ngoài được lựa chọn (ví dụ đưa ra nguyên tắc buộc các nước thành viên phải công nhận thỏa thuận lựa chọn tòa án, phải công nhận và cho thi hành bản án của tòa án nước ngoài trừ những trường hợp nhất định...) Các nước trong khu vực nên nghiên cứu Công ước này để có thể bắt kịp với quá trình hội nhập của thế giới, cũng như xây dựng hành lang pháp lý cho việc công nhận và thi hành bản án nước ngoài.

### **III. Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài, bản án và quyết định của tòa án nước ngoài tại Việt Nam**

#### **1. Theo quy định hiện hành**

Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành (ban hành năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011) (“BLTTDS”) đã có những quy định cụ thể về nguyên tắc cũng như thủ tục tố tụng dành cho yêu cầu công nhận và cho thi hành cả phán quyết của trọng tài nước ngoài lẫn bản án, quyết định của tòa án nước ngoài. Theo quy định chung của Bộ luật Tố tụng dân sự thì về nguyên tắc, việc công nhận và cho thi hành có thể được thực hiện theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên, hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.<sup>40</sup>

#### **1.1. Về phán quyết trọng tài nước ngoài**

Sau khi tham gia Công ước New York vào năm 1995, Việt Nam đã nội luật hóa các quy định của Công ước và đưa vào Bộ luật Tố tụng dân sự, làm cơ sở pháp lý cho việc công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài. Ngoài ra, tính đến nay Việt Nam đã kí kết 18 điều ước quốc tế song phương với các nước khác về tương trợ tư pháp.<sup>41</sup> Các hiệp định song phương này đều có đề cập đến việc công nhận bản án của tòa án cũng như phán quyết của trọng tài. Trong số đó, 9 hiệp định dẫn chiếu đến Công ước New York và 4 hiệp định có quy định riêng. Như vậy, phán quyết trọng tài

<sup>40</sup> Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành

<sup>41</sup> Bộ Ngoại giao, Cổng thông tin điện tử về công tác lãnh sự

<<http://lanhsuvietsnam.gov.vn/Lists/BaiViet/B%20C3%A0i%20vi%E1%BA%BFt/DispForm.aspx?List=dc7c7d75-6a32-4215-afeb-47d4bee70eee&ID=414>>

của các nước thành viên của Công ước New York hoặc có điều ước song phương với Việt Nam đều có thể được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam theo quy định của các điều ước nói trên. Phán quyết trọng tài của các nước ASEAN đều có thể được công nhận và cho thi hành ở Việt Nam vì toàn bộ các nước này đều đã là thành viên Công ước New York. Phù hợp với quy định tại Điều VII của Công ước New York,<sup>42</sup> bên yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam vẫn có thể viện dẫn các quyền lợi của mình trong các hiệu định, điều ước song phương và đa phương mà Việt Nam đã ký kết để ủng hộ việc thi hành phán quyết trọng tài. Dù vậy, trên thực tế, tỷ lệ phán quyết trọng tài nước ngoài được công nhận tại Việt Nam còn thấp, khả năng thi hành cũng chưa cao.<sup>43</sup> Một trong những nguyên nhân của kết quả nêu trên là do một số quy định của BLTTDS hiện hành còn chưa tương thích với các quy định của Công ước cũng như cam kết của Việt Nam khi gia nhập Công ước, ví dụ như khái niệm phán quyết của trọng tài nước ngoài, thời hiệu yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ, căn cứ để từ chối dựa trên việc vi phạm “*các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*”. Điều này cũng gây ra không ít e ngại cho các doanh nghiệp nước ngoài khi tiến hành các hoạt động kinh doanh, thương mại và đầu tư với các đối tác Việt Nam, cũng như gây cản trở cho việc hài hòa hóa tư pháp với các nước trong khu vực cũng là thành viên của Công ước New York. Do số lượng đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài ngày càng cao trong khi công tác xét xử tại một số tòa án địa phương còn gặp nhiều lung túng, ngày 25/07/2014, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Công Văn số 246/TANDTC-KT về việc giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định kinh doanh thương mại của trọng tài nước ngoài. Trong đó có hướng dẫn cụ thể hơn về việc giải thích và áp dụng các căn cứ để từ chối công nhận và cho thi hành. Tuy nhiên, tỷ lệ phán quyết trọng tài nước ngoài bị từ chối công nhận và cho thi hành tại Việt Nam vẫn còn cao so với các nước trong khu vực ASEAN.

## 1.2. Về bản án của tòa án nước ngoài

---

<sup>42</sup> Điều VII.1 Công ước New York

1. Các quy định của Công ước này không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của các thỏa thuận đa phương hay song phương của các Quốc gia thành viên liên quan tới việc công nhận và cho thi hành các quyết định trọng tài, cũng như không tước của bất kỳ bên nào liên quan quyền bên đó có thể dùng quyết định trọng tài theo cách và giới hạn được luật pháp hoặc các điều ước của nước nơi quyết định sẽ được thi hành cho phép.

<sup>43</sup> Trong 2 năm 2013 và năm 2014, chỉ có 01 trên tổng số 12 đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam được chấp thuận. Theo Trương Duy Lượng, *Thực tiễn giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam*, tham luận tại Hội thảo Thực hiện nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP về thi hành một số điều của Luật trọng tài và các vấn đề về Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (ngày 06-07/04/2015),

*a. Thẩm quyền của tòa án nước ngoài*

Ở nhiều quốc gia, vấn đề thẩm quyền là vấn đề đầu tiên được đặt ra khi xem xét đến khả năng công nhận thi hành một bản án nước ngoài.<sup>44</sup> Thẩm quyền của tòa án ban hành bản án không được hiểu rằng liệu tòa án đó có thẩm quyền riêng biệt đối với bị đơn hay không mà là dưới góc độ tư pháp quốc tế, dựa vào sự lựa chọn của đương sự và các quy tắc xung đột luật, liệu tòa án có thẩm quyền đối với nội dung vụ tranh chấp hay không.<sup>45</sup>

BLTTDS hiện hành vẫn chưa có quy định về vấn đề này. BLTTDS chỉ đề cập đến thẩm quyền chung và thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam. Từ đó có thể suy luận rằng những vụ việc không thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam thì có thể thuộc thẩm quyền của tòa án nước ngoài. Tuy nhiên, điều này vẫn rất mơ hồ, thiếu căn cứ. Chính vì lý do không thể xác định được liệu tòa án nước ngoài có thẩm quyền ban hành một bản án cụ thể được yêu cầu thi hành ở Việt Nam nên rất khó có căn cứ để xem xét công nhận và cho thi hành bản án của tòa án đó ở Việt Nam.

*b. Bản án có giá trị chung thẩm*

Theo pháp luật của các nước theo hệ thống thông luật nói chung và nước Anh nói riêng, các tòa án chỉ xem xét công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài nếu bản án đó đã là bản án chung thẩm và có hiệu lực thi hành ở nước tuyên án.<sup>46</sup> Để một bản án được coi là chung thẩm và có hiệu lực thi hành, nó phải giải quyết được hoàn toàn tranh chấp của các bên.<sup>47</sup> Những quyết định chỉ giải quyết một phần quyền lợi của các bên, vì thế, sẽ không được coi là bản án cuối cùng. Tuy nhiên, khả năng một bản án bị kháng cáo lên tòa án cấp cao hơn ở quốc gia nơi bản án được tuyên không có nghĩa rằng bản án không có giá trị chung thẩm.<sup>48</sup> Ngoài ra, việc thủ tục phúc thẩm đang được tiến hành tại quốc gia nơi tuyên án vào thời điểm bên được tuyên thắng kiện trong vụ án sơ thẩm yêu cầu công nhận và thi hành bản án sơ thẩm ở một quốc gia khác không đồng nghĩa với việc bản án sơ thẩm đó bị cấm không được công nhận thi hành. Tuy vậy,

---

<sup>44</sup> Beligh Elbalti (n 5)..

<sup>45</sup> *Buchanan v Rucker* (1808) 9 East 192.

<sup>46</sup> Jonathan Hill (n 4) 370.

<sup>47</sup> *Buehler AG v Chronos Richardson Ltd* [1998] 2 All ER 960.

<sup>48</sup> *Nouvion v Freeman* (1889) 15 App Cas 1.

thông thường khi vụ việc đang được xem xét phúc thẩm thì tòa án được yêu cầu thường đình chỉ thủ tục công nhận thi hành cho đến khi vụ án phúc thẩm được giải quyết xong.<sup>49</sup>

Theo quy định tại khoản 1 Điều 356 BLTTDS hiện hành thì một trong những lý do từ chối công nhận bản án nước ngoài là bản án đó chưa có hiệu lực tại nước nơi bản án được tuyên.<sup>50</sup> Điều này cũng có nghĩa là tòa án Việt Nam chỉ chấp nhận công nhận và cho thi hành những bản án đã có hiệu lực pháp luật.

#### *c. Bản án ấn định một khoản tiền cụ thể*

Tại các nước theo hệ thống thông luật thì chỉ những bản án có ấn định một khoản tiền cụ thể được yêu cầu công nhận thi hành mới được xem xét.<sup>51</sup> Những bản án đưa ra các yêu cầu khác sẽ không thuộc diện được xem xét công nhận và cho thi hành.

Tuy nhiên, luật pháp Việt Nam không có quy định về vấn đề này. Theo pháp luật Việt Nam hiện hành thì tòa án Việt Nam có thể xem xét cho công nhận những bản án thuộc diện được công nhận (theo điều ước quốc tế hoặc nguyên tắc có đi có lại) miễn là những bản án này không rơi vào trường hợp không được công nhận theo Điều 356 BLTTDS. Điều 356 này không đề cập gì đến trường hợp bản án có ấn định một số tiền cụ thể hay không.

#### *d. Các lý do từ chối công nhận và thi hành bản án nước ngoài*

Ở nhiều nước như Anh hay Singapore, việc từ chối công nhận bản án nước ngoài có thể dựa vào một số lý do như sau. Thứ nhất, bản án trái với lẽ công bằng (natural justice). Đó là trường hợp bị đơn không được thông báo hợp lệ về quá trình tố tụng ở tòa án nơi bản án được tuyên hoặc bên thua kiện không có quyền tranh tụng trước tòa án đó.<sup>52</sup> Thứ hai, bản án được tuyên qua những hành vi gian lận, cho dù bên thua kiện có đưa ra vấn đề gian lận trong quá trình tố tụng hay không.<sup>53</sup> Thứ ba, bản án đó vi phạm trật tự công (public policy) của nước sở tại.<sup>54</sup> Thứ tư, bản án nước ngoài trái với bản án nước sở tại đã có trước đó về cùng một vấn đề.<sup>55</sup>

---

<sup>49</sup> *Colt Industries Inc v Sarlie (No 2)* [1966] WLR 1287.

<sup>50</sup> Điều 356. Những bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam

1. Bản án, quyết định dân sự chưa có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật của nước có Tòa án đã ra bản án, quyết định đó.

<sup>51</sup> *Sadler v Robins* (1808) 1 Camp 253.

<sup>52</sup> *Jacobson v Frachon* (1928) 138 LT 386.

<sup>53</sup> *Abouloff v Oppenheimer & Co* (1882) 10 QBD 295.

<sup>54</sup> *Jonathan Hill*, (n 4) 396.

<sup>55</sup> *Ibid* 398.

Ở Việt Nam, các lý do để từ chối công nhận bao gồm:

- (i) Bản án, quyết định dân sự chưa có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật của nước có Toà án đã ra bản án, quyết định đó.
- (ii) Người phải thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của người đó đã vắng mặt tại phiên toà của Toà án nước ngoài do không được triệu tập hợp lệ.
- (iii) Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử riêng biệt của Toà án Việt Nam.
- (iv) Về cùng vụ án này đã có bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật của Toà án Việt Nam hoặc của Toà án nước ngoài đã được Toà án Việt Nam công nhận hoặc trước khi cơ quan xét xử của nước ngoài thụ lý vụ án, Toà án Việt Nam đã thụ lý và đang giải quyết vụ án đó.
- (v) Đã hết thời hiệu thi hành án theo pháp luật của nước có Toà án đã ra bản án, quyết định dân sự đó hoặc theo pháp luật Việt Nam.
- (vi) Việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài tại Việt Nam trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Nhìn chung, đa số các lý do trên đều khá tương thích với luật pháp các nước phát triển trên thế giới. Tuy nhiên, trong khi phần lớn các nước sử dụng khái niệm “trật tự công” để từ chối công nhận thi hành không chỉ bản án của tòa án nước ngoài mà còn cả phán quyết của tòa án nước ngoài thì luật Việt Nam sử dụng khái niệm “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Cho đến nay, khi Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự mới đã được ban hành thì khái niệm trên vẫn chưa hề được làm rõ. Điều đó sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng công nhận thi hành bản án nước ngoài vì tòa Việt Nam có thể sử dụng lý do này để từ chối. Trong khu vực, hiện nay Việt Nam có hai Hiệp định tương trợ tư pháp với Lào và Campuchia, là cơ sở pháp lý để tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành bản án của tòa án hai nước này trên lãnh thổ Việt Nam và ngược lại. Bản án của tòa án các nước khác có thể được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam trên cơ sở có đi có lại.<sup>56</sup> Điển hình, tòa án Việt Nam từng công nhận một bản án phúc thẩm của tòa án Hàn Quốc. Theo Quyết định số 2083/2007/QĐST-KDTM đề ngày 19/11/2007,

---

<sup>56</sup> Điều 343. Nguyên tắc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài

3. Bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài cũng có thể được Toà án Việt Nam xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam trên cơ sở có đi có lại mà không đòi hỏi Việt Nam và nước đó phải ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về vấn đề đó.

tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Choongnam Sprinning (Hàn Quốc) công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án của tòa án cấp phúc thẩm Dae Cheon (Hàn Quốc) phán quyết vụ việc số 2004 Na 10655 ngày 30/9/2005, đã có hiệu lực pháp luật. Song cũng như tình hình ở các nước khác trong khu vực, việc áp dụng nguyên tắc này khá khó khăn vì thiếu sự nhất quán cũng như thiếu những hướng dẫn cụ thể. Sẽ rất khó để tòa án có thể biết liệu tòa án của nước ra bản án được yêu cầu áp dụng ở Việt Nam có công nhận và cho thi hành bản án của tòa án Việt Nam ở nước đó hay không, nhất là nếu tòa án Việt Nam và tòa án nước ngoài có những khác biệt cơ bản về cơ chế, chẳng hạn như tòa án hai nước thuộc hai hệ thống pháp luật khác nhau.

## **2. Theo quy định của BLTTDS mới**

BLTTDS năm 2015 đã được thông qua và sẽ có hiệu lực vào ngày 01/07/2016. Bộ luật mới đã có những cải cách đáng kể trong nhiều lĩnh vực, nhất là đối với việc công nhận và cho thi hành bản án của tòa án, phán quyết của trọng tài nước ngoài theo hướng tích cực, tạo điều kiện để bản án, phán quyết nước ngoài được thi hành ở Việt Nam.

### ***2.1. Về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài***

BLTTDS mới đã đặt ra quy định riêng về thời hiệu cho trường hợp công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Trước đây, do chưa có quy định cụ thể trong BLTTDS năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011, các tòa án có cách hiểu và áp dụng khác nhau đối với thời hiệu cho trường hợp này. BLTTDS mới đã đưa ra thời hiệu cho việc nộp đơn yêu cầu tại Điều 451<sup>57</sup> là 03 năm từ ngày phán quyết có hiệu lực.

Một trong những nội dung cơ bản khác được quy định trong BLTTDS mới làm rõ nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ của bên phải thi hành tại Việt Nam tại Điều 459.<sup>58</sup> Mặc dù

---

<sup>57</sup> Điều 451. Thời hạn gửi đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành

1. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày phán quyết của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực pháp luật, người được thi hành, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết đó đến Bộ Tư pháp Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của Bộ luật này trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không quy định hoặc không có điều ước quốc tế liên quan.

2. Trường hợp người được thi hành chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà không thể gửi đơn đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan đó không tính vào thời hạn gửi đơn.

<sup>58</sup> Điều 459. Những trường hợp không công nhận

Công ước New York đã có quy định nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên phải thi hành nhưng quy định trong BLTTDS hiện hành vẫn chưa rõ ràng và trong nhiều trường hợp, tòa án vẫn yêu cầu bên được thi hành phải cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh phán quyết không rơi vào các trường hợp loại trừ bị từ chối thi hành. Để khắc phục vấn đề này, BLTTDS mới đã chỉ ra rằng tòa án chỉ xem xét các chứng cứ mà bên phải thi hành cung cấp để xem liệu có căn cứ từ chối yêu cầu công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài hay không. Điều đó có nghĩa là nếu như bên phải thi hành không thể cung cấp được các chứng cứ phản đối hợp lý thì phán quyết nghiêm nhiên phải được công nhận và cho thi hành ở Việt Nam. Bên được thi hành không phải nộp thêm bất cứ chứng cứ nào trừ những tài liệu đã được quy định cụ thể như Điều IV của Công ước New York, cũng như Điều 453 BLTTDS năm 2015.<sup>59</sup>

Ngoài ra, BLTTDS mới còn bổ sung những quy định khác nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc giải quyết loại việc này. Cụ thể, BLTTDS phân biệt quyết định của trọng tài (“arbitral decision”) với phán quyết trọng tài (“arbitral award”); cho phép bên được thi hành nộp đơn yêu cầu trực tiếp ra Tòa án có thẩm quyền để giảm thời gian tố tụng đối với loại việc công nhận và cho thi hành;<sup>60</sup> quy định cụ thể hơn về các trường hợp đình chỉ và tạm đình chỉ xét đơn;<sup>61</sup> quyết định phúc thẩm về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài có thể bị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.<sup>62</sup>

Tuy nhiên, BLTTDS vẫn chưa được giải quyết một số vấn đề tồn đọng. Thứ nhất, định nghĩa về phán quyết của trọng tài nước ngoài theo BLTTDS mới và Luật trọng tài thương mại hiện hành rơi vào trường hợp cả hai trường hợp “phán quyết được tuyên ở lãnh thổ nước ngoài” và “phán

---

1. Tòa án không công nhận phán quyết của Trọng tài nước ngoài khi xét thấy các chứng cứ do bên phải thi hành cung cấp cho Tòa án để phản đối yêu cầu công nhận là có căn cứ, hợp pháp và phán quyết trọng tài thuộc một trong các trường hợp sau đây:

<sup>59</sup> Điều 453. Giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo đơn yêu cầu

1. Gửi kèm theo đơn yêu cầu là các giấy tờ, tài liệu được quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp không có điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế không quy định thì kèm theo đơn yêu cầu phải có các giấy tờ, tài liệu sau đây:

a) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực phán quyết của Trọng tài nước ngoài;  
b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực thỏa thuận trọng tài giữa các bên.

2. Giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo đơn yêu cầu bằng tiếng nước ngoài thì phải được gửi kèm theo bản dịch ra tiếng Việt, được công chứng, chứng thực hợp pháp.

<sup>60</sup> Điều 451. BLTTDS 2015

<sup>61</sup> Điều 457 BLTTDS 2015

<sup>62</sup> Điều 462. Xét kháng cáo, kháng nghị

1. Tòa án nhân dân cấp cao xét quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được hồ sơ; trường hợp cần phải yêu cầu giải thích theo quy định tại khoản 2 Điều 455 của Bộ luật này thì thời hạn này được kéo dài, nhưng không quá 02 tháng.



quyết không được coi là phán quyết trọng tài trong nước”. Do đó, cho dù phán quyết của trọng tài nước ngoài được tuyên tại lãnh thổ Việt Nam cũng không được xem là phán quyết trong nước mà phải được xem là phán quyết của trọng tài nước ngoài và phải trải qua thủ tục công nhận và cho thi hành theo BLTTDS để có thể thi hành tại Việt Nam.

Thứ hai, căn cứ “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” cũng không đúng với quy định cũng như tinh thần của Công ước New York. Theo Điều V của Công ước New York, “việc công nhận và thi hành quyết định trọng tài có thể bị từ chối nếu như cơ quan có thẩm quyền của nước nơi việc công nhận và thi hành đó được yêu cầu, cho rằng:[...] việc công nhận và thi hành sẽ **trái với trật tự công cộng** của nước đó”. Trên thực tế, tòa án thường vận dụng cách giải thích theo phạm vi hẹp của chính sách công quốc tế.<sup>63</sup> Kể cả đối với căn cứ “các nguyên tắc cơ bản” thì thực tiễn xét xử quốc tế cũng thường chỉ chấp nhận ở mức độ pháp luật quốc tế.<sup>64</sup> Tuy nhiên, căn cứ hiện nay của BLTTDS lại được hiểu theo phạm vi các nguyên tắc của pháp luật quốc gia. Đó là chưa kể, theo phản ánh của các thẩm phán địa phương cách giải thích của khái niệm này tại Điều 14.2.d của Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao vẫn còn quá rộng và chưa rõ ràng.

Thứ ba, Việt Nam chưa có cơ chế cho phép áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm hỗ trợ trọng tài nước ngoài. Theo cách tiếp cận tại Điều 17J và 17H của Luật Mẫu về trọng tài thương mại của UNCITRAL và thực tiễn xét xử tại các nước phát triển, biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được ban hành để hỗ trợ tố tụng trọng tài nước ngoài. Thường các tòa án sẽ sử dụng thẩm quyền quyết định rộng để ban hành biện pháp khẩn cấp tạm thời, sử dụng cùng tiêu chuẩn như đối với thủ tục tố tụng bình thường ở tòa án. Ví dụ Mục 12A (1) của Đạo luật Trọng tài Quốc tế Singapore trao cho tòa án thẩm quyền ban hành biện pháp khẩn cấp tạm thời bất kể địa điểm trọng tài ở đâu.

## ***2.2. Về công nhận và cho thi hành bản án của tòa án nước ngoài***

BLTTDS mới đã có những sửa đổi bổ sung theo hướng tích cực, đưa các quy định về công nhận và thi hành bản án nước ngoài đến gần với chuẩn mực của các nước phát triển trên thế giới. Bên cạnh các căn cứ để từ chối công nhận thi hành như Điều 356 BLTTDS hiện hành, Điều 439 BLTTDS 2015 còn bổ sung các trường hợp sau:

---

<sup>63</sup> Hướng dẫn của ICCA cho Công ước New York (2011); Alan Redfern, Martin Hunter, Nigel Blackaby, Constantine Partasides, Pháp luật và thực tiễn trọng tài thương mại quốc tế, Sweet &Maxell, tái bản lần 4, trang 551

<sup>64</sup> Cordero Moss, International Commercial Arbitration(1999), p. 329

(i) Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để được công nhận quy định tại các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về dân sự mà Việt Nam là thành viên.

(ii) Tòa án nước đã ra bản án, quyết định không có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự đó theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật này.

(iii) Việc thi hành bản án, quyết định đã bị hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành tại nước có Tòa án đã ra bản án, quyết định.

Ngoài ra, yêu cầu về tổng đạt cũng được làm rõ. Việc tổng đạt có được xem là hợp lệ hay không là phụ thuộc vào pháp luật của nước nơi bản án được tuyên, và yếu tố này được xét đến là để đảm bảo quyền tự bảo vệ của đương sự. Điều này cũng tương tự như nguyên tắc về công bằng của các nước theo hệ thống thông luật khi cho rằng bị đơn phải có quyền tham gia tố tụng và tự bảo vệ một cách công bằng.

BLTTDS mới cũng đã có quy định cụ thể về việc cho phép đương sự trong vụ việc có yếu tố nước ngoài được lựa chọn tòa án nước ngoài. Trong trường hợp đó, tòa án Việt Nam nếu nhận được đơn khởi kiện của một bên thì phải trả lại đơn theo quy định của Điều 472.<sup>65</sup> Điều này thể hiện sự tôn trọng đối với quyền tự do lựa chọn cơ quan tài phán giải quyết tranh chấp của các bên, đồng thời gián tiếp công nhận thẩm quyền của tòa án nước ngoài trong các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

---

<sup>65</sup> Điều 472. Trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp đã có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận lựa chọn Tòa án nước ngoài hoặc đã có Tòa án nước ngoài, Trọng tài hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác của nước ngoài giải quyết hoặc đương sự được miễn trừ quyền xét xử dân sự

1. Tòa án Việt Nam phải trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài nếu vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Các bên đương sự được thỏa thuận lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài và đã lựa chọn Trọng tài hoặc Tòa án nước ngoài giải quyết vụ việc đó.

Trường hợp các bên thay đổi thỏa thuận lựa chọn Trọng tài hoặc Tòa án nước ngoài bằng thỏa thuận lựa chọn Tòa án Việt Nam, thỏa thuận lựa chọn đó bị vô hiệu hoặc không thể thực hiện được, hoặc Trọng tài hoặc Tòa án nước ngoài từ chối nhận đơn thì Tòa án Việt Nam vẫn có thẩm quyền giải quyết.

b) Vụ việc không thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam quy định tại Điều 470 của Bộ luật này và vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án nước ngoài có liên quan.

c) Vụ việc không thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam quy định tại Điều 470 của Bộ luật này và đã được Trọng tài hoặc Tòa án nước ngoài đã thụ lý giải quyết.

d) Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài hoặc phán quyết của Trọng tài.

đ) Bị đơn được hưởng quyền miễn trừ tư pháp.

Mặc dù vậy, luật Việt Nam vẫn chưa đưa ra một cách thức xác định thẩm quyền của tòa án nước ngoài khác nếu không có sự lựa chọn của các bên. Chẳng hạn, nếu theo các quy tắc xung đột luật, tòa án một nước được trao thẩm quyền giải quyết vụ việc thì tòa án Việt Nam có công nhận thẩm quyền đó không. Điều 440 BLTTDS 2015 có đưa ra trường hợp các tòa án nước ngoài có thẩm quyền giải quyết vụ việc.<sup>66</sup> Tuy nhiên Điều này vẫn chưa đề cập đến vấn đề sử dụng các quy tắc xung đột về thẩm quyền để xác định tòa án có thẩm quyền trong vụ việc cụ thể. Ví dụ, nếu một vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án nước ngoài và thẩm quyền chung của tòa án Việt Nam, bị đơn đã phản đối thẩm quyền của tòa án nước ngoài nhưng phản đối này không có căn cứ, vậy tòa án nước ngoài có được coi là có thẩm quyền theo luật Việt Nam để bản án của tòa án đó được công nhận và cho thi hành ở Việt Nam hay không. Ngoài ra, thủ tục công nhận bản án của tòa án nước ngoài thì vẫn có những khó khăn nhất định khi thực hiện. Cụ thể, theo Điều 423 quy định bản án của tòa nước ngoài có thể được công nhận và cho thi hành ở Việt Nam nếu được điều ước quốc tế giữa nước đó với Việt Nam quy định hoặc luật pháp Việt Nam quy định được công nhận và thi hành. Thế nhưng, ngoại trừ 18 hiệp định tương trợ tư pháp song phương với một số nước như Liên bang Nga, Lào, Campuchia... thì Việt Nam vẫn chưa tham gia một điều ước quốc tế đa phương nào như Công ước Hague về thỏa thuận chọn tòa án. Luật tương trợ tư pháp năm 2007 đã có quy định Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ định kỳ sáu tháng và hằng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ tương trợ tư pháp với nước hữu quan,<sup>67</sup> nhưng việc này tương đối khó khăn, cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan ở Việt Nam và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

---

<sup>66</sup> Điều 440. Tòa án nước ngoài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, yêu cầu Tòa án nước ngoài đã ra bản án, quyết định mà bản án, quyết định đó đang được xem xét để công nhận và cho thi hành tại Việt Nam có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự đó trong những trường hợp sau đây:

1. Vụ việc dân sự không thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam quy định tại Điều 470 của Bộ luật này.
2. Vụ việc dân sự quy định tại Điều 469 của Bộ luật này nhưng thuộc một trong các điều kiện sau đây:
  - a) Bị đơn tham gia tranh tụng mà không có ý kiến về thẩm quyền của Tòa án nước ngoài đó;
  - b) Vụ việc dân sự này chưa có bản án, quyết định của Tòa án nước thứ ba đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành.
  - c) Vụ việc dân sự này đã được Tòa án nước ngoài thụ lý vụ án trước Tòa án Việt Nam.

<sup>67</sup> Điều 66. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ tương trợ tư pháp với nước hữu quan.
2. Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp.
3. Định kỳ sáu tháng và hằng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ tương trợ tư pháp với nước hữu quan.

Điều đó có nghĩa là danh sách bản án các nước có thể được tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành còn rất giới hạn. Vì vậy, mặc dù đã có hành lang pháp lý về cơ sở công nhận và cho thi hành bản án của tòa án nước ngoài, những bản án đáp ứng đủ điều kiện để được xem xét theo thủ tục này không nhiều. Do đó, Việt Nam cần xem xét đến việc tham gia thêm vào các điều ước quốc tế, chẳng hạn như Công ước Hague như Singapore đã làm, để tạo điều kiện hơn cho việc công nhận bản án của tòa án nước ngoài. Ngoài ra, các quốc gia ASEAN cũng có thể tính đến việc tham gia một điều ước khu vực về vấn đề này nhằm tăng cường hợp tác khu vực như Cộng đồng Châu Âu đã làm được với Quy tắc Brussels I hay Công ước Brussels.

#### **IV. Những vấn đề pháp lý mà Việt Nam cần cân nhắc liên quan đến việc công nhận và thi hành bản án của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài**

##### **1. Thiết lập khuôn khổ pháp lý đầy đủ cho việc công nhận và thi hành bản án của tòa án giữa các nước thành viên ASEAN**

Để tạo điều kiện cho việc công nhận và thi hành bản án của tòa án giữa các quốc gia ASEAN, việc xúc tiến xây dựng một khuôn khổ pháp lý đầy đủ giữa các quốc gia là điều thiết yếu. Bước đầu, Việt Nam có tiến hành xúc tiến ký kết các hiệp định song phương với các nước thành viên ASEAN liên quan đến vấn đề này. Đồng thời, cần tăng cường công tác nghiên cứu, đào tạo nhằm làm cơ sở cho việc tiến hành hài hòa hóa quy định pháp luật liên quan của các nước thành viên. Mặt khác, Việt Nam và các nước thành viên ASEAN có thể cân nhắc xây dựng một hiệp định đa phương về công nhận và cho thành các bản án, quyết định của Tòa án tương tự như Nghị định số 1215/2012 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu được thông qua ngày 22/12/2000, quy định về thẩm quyền của tòa án và vấn đề công nhận, thi hành phán quyết về dân sự, thương mại của tòa án (“*Nghị định Brussels I bis*”).

Ngoài ra, như tác giả được biết ngày 16/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án gia nhập Công ước La Hay năm 1961 về miễn hợp pháp hóa đối với giấy tờ công của nước ngoài (Công ước Apostille). Việc gia nhập Công ước Apostille sẽ giúp rút ngắn một nửa quy trình hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự giấy tờ so với hiện nay tại 107 quốc gia thành viên của công ước này. Do đó, tác giả cho rằng việc gia nhập các công ước quốc tế tương tự cần được khuyến khích để hỗ trợ việc công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của tòa án nước ngoài, trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

## **2. Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để hỗ trợ tòa án, trọng tài nước ngoài.**

BLTTDS đã bổ dung quy định cho phép Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay để bảo đảm giải quyết vụ án dân sự tại Điều 131.68 Tuy nhiên, quy định này mới dừng lại ở phạm vi các vụ án đang được giải quyết tại Tòa án Việt Nam. Học tập các quy định của Nghị định Brussels I bis và Luật Mẫu về trọng tài thương mại của UNCTRAL, Việt Nam có thể xem xét để mở rộng phạm vi thẩm quyền của tòa án Việt Nam áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản ở Việt Nam để hỗ trợ cả việc giải quyết tranh chấp tại tòa án nước ngoài, trọng tài nước ngoài, tối thiểu là trong phạm vi các nước trong khu vực ASEAN. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng pháp luật trọng tài của Singapore và Hồng Kông<sup>69</sup> đã có cơ chế Trọng tài viên khẩn cấp, tức là cho phép các bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại trung tâm trọng tài trước khi hội đồng trọng tài thành lập. Một số nước thậm chí cho phép Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng trong một số trường hợp thực sự cấp thiết.<sup>70</sup> Vì vậy, Việt Nam nên xem xét bổ sung các quy định, hướng dẫn cho phép áp dụng hoặc hỗ trợ thi hành các biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng được ban hành bởi tòa án nước ngoài và trọng tài nước ngoài để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

---

<sup>68</sup> Điều 131. Bắt giữ tàu bay, tàu biển để bảo đảm giải quyết vụ án

1. Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu bay để bảo đảm giải quyết vụ án dân sự mà vụ án đó do chủ sở hữu tàu bay, chủ nợ trong trường hợp tàu bay là tài sản bảo đảm, người bị thiệt hại do tàu bay đang bay gây ra hoặc người có quyền, lợi ích liên quan đối với tàu bay khởi kiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu biển bị yêu cầu bắt giữ để bảo đảm việc giải quyết khiếu nại hàng hải mà người yêu cầu bắt giữ tàu biển đã khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án;

b) Chủ tàu là người có nghĩa vụ về tài sản trong vụ án đang giải quyết và vẫn là chủ tàu tại thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;

c) Người thuê tàu trần, người thuê tàu định hạn, người thuê tàu chuyến hoặc người khai thác tàu là người có nghĩa vụ về tài sản trong vụ án dân sự phát sinh từ khiếu nại hàng hải theo quy định của Bộ luật hàng hải Việt Nam và vẫn là người thuê tàu trần, người thuê tàu định hạn, người thuê tàu chuyến, người khai thác tàu hoặc là chủ tàu tại thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bắt giữ tàu biển;

d) Tranh chấp đang được giải quyết trong vụ án phát sinh trên cơ sở của việc thế chấp tàu biển đó;

đ) Tranh chấp đang được giải quyết trong vụ án liên quan đến quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu tàu biển đó.

3. Trình tự, thủ tục bắt giữ tàu bay, tàu biển được áp dụng theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển

<sup>69</sup> Mục 12A của Luật trọng tài quốc tế Singapore; Mục 22A và 22B của pháp lệnh trọng tài Hồng Kông có hiệu lực kể từ ngày 19/07/2013

<sup>70</sup> Điều 81-101 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2012 của Trung Quốc; Mục 12.A.4 của Luật trọng tài quốc tế Singapore

### **3. Tăng cường năng lực của tòa án trong việc áp dụng pháp luật nước ngoài đặc biệt là pháp luật giữa các nước thành viên ASEAN trong quá trình giải quyết các vụ việc xin công nhận và thi hành bản án, phán quyết trọng tài nước ngoài**

Khi giải quyết các việc liên quan đến yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án của tòa án nước ngoài, phán quyết trọng tài nước ngoài ở Việt Nam, việc áp dụng pháp luật nước ngoài để xem xét các vấn đề pháp lý là không thể tránh khỏi. Điều 481<sup>71</sup> của BLTTDS mới đã bổ sung quy định về Xác định và cung cấp pháp luật nước ngoài để Tòa án áp dụng trong việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Mặc dù vậy, do hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài nói chung cũng như của các nước thành viên ASEAN khác nói riêng vẫn còn nhiều khác biệt chưa tương thích, Tòa án Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng, giải thích và chứng minh, cũng như không thể vận dụng việc áp dụng tương tự pháp luật trong một số trường hợp. Chính vì vậy, nâng cao năng lực thẩm phán, kỹ năng xét xử và đưa vào chương trình đào tạo thẩm phán, luật sư các kiến thức về pháp luật quốc tế là một trong những ưu tiên hàng đầu, tạo tiền đề cho việc hài hòa hóa tư pháp quốc tế trong lĩnh vực công nhận và cho thi hành bản án của tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài.

### **4. Định hình rõ ràng những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam**

---

<sup>71</sup> Điều 481. Xác định và cung cấp pháp luật nước ngoài để Tòa án áp dụng trong việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

Trường hợp Tòa án Việt Nam áp dụng pháp luật nước ngoài để giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định của luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì trách nhiệm xác định và cung cấp pháp luật nước ngoài được thực hiện như sau:

1. Trường hợp đương sự được quyền lựa chọn pháp luật áp dụng là pháp luật nước ngoài và đã lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài đó thì có nghĩa vụ cung cấp pháp luật nước ngoài đó cho Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự. Các đương sự chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của pháp luật nước ngoài đã cung cấp.

Trường hợp các đương sự không thống nhất được với nhau về pháp luật nước ngoài hoặc trong trường hợp cần thiết, Tòa án yêu cầu Bộ Tư pháp, Bộ ngoại giao, cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài hoặc thông qua Bộ ngoại giao đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam cung cấp pháp luật nước ngoài;

2. Trường hợp luật của Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên quy định phải áp dụng pháp luật nước ngoài thì đương sự có quyền cung cấp pháp luật nước ngoài cho Tòa án hoặc Tòa án yêu cầu Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài cung cấp pháp luật nước ngoài;

3. Tòa án có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về pháp luật nước ngoài cung cấp thông tin về pháp luật nước ngoài;

4. Hết thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Tòa án yêu cầu cung cấp pháp luật nước ngoài theo quy định tại Điều này mà không có kết quả thì Tòa án áp dụng pháp luật của Việt Nam để giải quyết vụ việc dân sự đó.

Như đã đề cập ở trên, căn cứ vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam còn chưa rõ ràng và không tương thích với Công ước New York. Do đó, cần xem xét việc sửa đổi hay giải thích căn cứ này theo hướng tiếp cận với khái niệm pháp lý quốc tế - Trật tự công để bảo vệ hữu hiệu chủ quyền và an ninh quốc gia và phù hợp với trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và gia nhập hoặc các nguyên tắc được thừa nhận rộng rãi về lẽ công bằng và công lý trong pháp luật quốc tế. Việt Nam hoàn toàn có thể học hỏi cách giải thích về khái niệm theo Khuyến nghị của Hiệp hội pháp luật quốc tế (the International Law Association -ILA) năm 2002<sup>72</sup>. Theo đó, chính sách công quốc tế của mọi quốc gia sẽ bao gồm:

- (i) Các nguyên tắc cơ bản về công bằng và đạo đức, mà quốc gia đó muốn vào về, kể cả khi quốc gia đó không trực tiếp liên quan
- (ii) các quy tắc được thiết lập để phục vụ cho lợi ích kinh tế, xã hội hay chính trị của quốc gia, mà được biết với tên gọi các quy tắc về chính sách công
- (iii) Nghĩa vụ quốc gia để tôn trọng các nghĩa vụ đối với quốc gia khác hay các tổ chức quốc tế

Ngoài ra, theo giải thích tại trang 28 và 29 của Chuyên đề khoa học xét xử số TPT/K-09-03 đính kèm tại Phụ lục số X của Viện khoa học xét xử -Tòa án nhân dân tối cao hiện vẫn được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Tòa án tối cao thì việc xác định thế nào là các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam có thể tham khảo tại các nguyên tắc ký kết gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế quy định tại Điều 3 của Luật ký kết gia nhập điều ước quốc tế, cụ thể là: *“Tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, cấm sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi và những nguyên tắc cơ bản khác của pháp luật quốc tế.”*<sup>73</sup> Theo ý kiến cá nhân tác giả, cách giải thích này cũng phù hợp với tinh thần của Công ước New York và pháp luật quốc tế.

## V. Kết luận

Để tiến tới mục tiêu hài hòa hóa luật và thủ tục quy tắc tố tụng cũng như tăng cường hợp tác giữa hệ thống tư pháp của các nước ASEAN, vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài cũng như bản án, quyết định của tòa án nước ngoài cần được đặt ra trong Hội nghị chánh án để

<sup>72</sup>Nguồn: <http://www.ila-hq.org/download.cfm/docid/032880D5-46CE-4CB0-912A0B91832E11AF>

<sup>73</sup> Những vấn đề lý luận về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài <<http://toaan.gov.vn/portal/pls/portal/docs/701340.PDF>>

tìm được giải pháp chung thúc đẩy việc công nhận và cho thi hành giữa các nước trong khu vực nói riêng và với các nước khác nói chung. Rõ ràng, với xu hướng phát triển kinh tế gắn liền với hợp tác giữa các đối tác đến từ nhiều quốc gia khác nhau, việc xảy ra tranh chấp và giải quyết tranh chấp ở trọng tài quốc tế cũng như tòa án quốc gia khác là không thể tránh khỏi. Nếu không có cơ chế thông thoáng tạo điều kiện cho việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài, bản án của tòa án nước ngoài thì việc giải quyết tranh chấp sẽ không còn ý nghĩa. Các bên tranh chấp sẽ mất lòng tin vào việc tiến hành thủ tục tố tụng một cách minh bạch, hợp pháp vì họ không thể biết liệu kết quả của quá trình tố tụng tốn kém, lâu dài mình theo đuổi có được xem xét cho công nhận và thi hành một cách công bằng và khách quan hay không. Vì lẽ đó, vô hình chung rào cản trong việc công nhận thi hành sẽ dẫn đến những khó khăn cho sự phát triển kinh tế, trước hết là giữa các nước trong khu vực khi hợp tác kinh tế khu vực được đẩy mạnh với việc xây dựng Cộng đồng kinh tế và thị trường chung./.